

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2989/UBND-GDĐT

Nam Từ Liêm, ngày 20 tháng 10 năm 2022

V/v thống nhất các khoản thu khác đối
với các trường Mầm non, Tiểu học,
THCS công lập trên địa bàn quận năm
học 2022-2023 (trừ các cơ sở giáo
dục chất lượng cao)

Kính gửi:

- Các phòng, ban, đơn vị thuộc quận có liên quan;
- Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, THCS công lập.

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND Thành phố quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2022-2023; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định về thu, sử dụng các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội (trừ các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao); Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Điều 11 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND;

Thực hiện Công văn số 2928/SGDĐT-KHTC ngày 21/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2022-2023;

Sau khi xem xét Tờ trình liên ngành số 590/TTrLN:GD&ĐT-TCKH ngày 13/10/2022 của phòng Giáo dục và Đào tạo, phòng Tài chính - Kế hoạch về việc thực hiện các khoản thu khác đối với các trường Mầm non, Tiểu học, THCS công lập trên địa bàn quận năm học 2022-2023 (trừ các cơ sở giáo dục chất lượng cao), UBND quận Nam Từ Liêm yêu cầu các trường Mầm non, Tiểu học, THCS công lập trên địa bàn quận năm học 2022-2023 (trừ các cơ sở giáo dục chất lượng cao) và các phòng, ban, ngành thuộc quận có liên quan thực hiện các nội dung sau:

I. Nội dung các khoản thu khác năm học 2022-2023

1. Đối với các khoản thu theo quy định tại Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội.

1.1. Các khoản thu: Tiền ăn, nước uống, Chăm sóc bán trú, Trang thiết bị phục vụ bán trú, Học phẩm (chi tiết theo phụ lục đính kèm)

1.2. Các khoản thu thực hiện theo văn bản quy định, bao gồm:

- Thu bảo hiểm y tế học sinh: Thực hiện theo Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

- Thu chi dạy thêm, học thêm: Thực hiện nghiêm túc các văn bản quy định về dạy thêm, học thêm: Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hà Nội; Công văn số 5502/SGDĐT-GDPT ngày 09/12/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

- Thu chi tài trợ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Công văn số 4658/SGDĐT-KHTC ngày 24/10/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT.

- Các khoản thu về quần áo đồng phục, quần áo thể dục thể thao, phù hiệu: Thực hiện theo Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của học sinh và sinh viên.

Các cơ sở giáo dục cần thống nhất chủ trương, kiểu mẫu với phụ huynh học sinh. Phụ huynh học sinh hoặc Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức may hoặc mua đồng phục theo quy định.

2. Một số khoản thu khác thực hiện theo các văn bản chỉ đạo của ngành dọc, Thành phố và các Sở ngành liên quan, Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước UBND quận về việc quản lý, chỉ đạo, thẩm định các điều kiện trước khi đồng ý với đề nghị của các nhà trường.

- Học Tiếng Anh liên kết và ngoại ngữ khác (Tiếng Hàn, Nhật, Đức...)

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, người học tham gia trên tinh thần tự nguyện, nhà trường thực hiện nghiêm kế hoạch đã xây dựng, bảo đảm thu đủ bù chi.

- Tổ chức học Câu lạc bộ

- Các khoản thu khác (nếu có)

II. Tổ chức thực hiện

1. Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập trên địa bàn quận:

- Thực hiện việc hạch toán đầy đủ các nguồn thu phát sinh vào hệ thống sổ kế toán (bao gồm cả các khoản thu hộ, chi hộ nếu có).

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo mức thu đã được UBND quận thống nhất và các quy định khác có liên quan. Trong quá trình thực hiện nếu có

vướng mắc, đề nghị liên hệ với phòng Giáo dục & Đào tạo và phòng Tài chính
- Kế hoạch đề báo cáo UBND quận xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

- Chịu trách nhiệm niêm yết công khai tại cơ sở trường học (lưu ý vị trí công khai đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh biết, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện theo quy định.

- Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm toàn diện về việc đề xảy ra việc thu không đúng quy định.

2. Phòng Giáo dục & Đào tạo chủ trì, phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện các khoản thu khác năm học 2022-2023 đối với các trường học công lập trên địa bàn quận.

3. Các phòng, ban, đơn vị thuộc quận có liên quan chịu trách nhiệm công khai mức thu các khoản thu khác năm học 2022-2023 của các trường học công lập (Mầm non, Tiểu học, THCS) trên địa bàn quận:

- Phòng Văn hóa và Thông tin Quận chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác thông tin truyền thông của các đơn vị trên địa bàn quận.

- Trung tâm văn hóa – Thông tin và thể thao Quận chịu trách nhiệm công khai tuyên truyền trên cổng thông tin Quận.

- UBND các phường chịu trách nhiệm công khai trên hệ thống truyền thanh phường.

UBND quận yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện các nội dung trên. /s/

Nơi nhận:

- Như trên; (để t/h)
- Sở GD&ĐT Hà Nội; (để b/c)
- TT QU- HĐND - UBND quận;
- UBND các phường; (để t/h)
- Lưu: VT, GD&ĐT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Long

PHỤ LỤC 01

TỔNG HỢP CÁC KHOẢN THU KHÁC NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Công văn số: 248 /UBND-GDDT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của UBND quận Nam Từ Liêm

CẤP HỌC: MẦM NON

STT	Tên đơn vị	Tiền ăn		Chăm sóc bán trú		Trang thiết bị		Học phẩm		Nước uống	
		ĐVT	Mức thu (đồng)	ĐVT	Mức thu (đồng)	ĐVT	Mức thu (đồng)	ĐVT	Mức thu (đồng)	ĐVT	Mức thu (đồng)
1	MN Tây Mỗ A	hs/ngày	25,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	150,000	hs/năm	150,000	hs/tháng	10,000
2	MN Mễ Trì	hs/ngày	25,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	150,000	hs/năm	150,000	hs/tháng	12,000
3	MN Xuân Phương	hs/ngày	25,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	150,000	hs/năm	150,000	hs/tháng	12,000
4	MN Phùng Khoang	hs/ngày	25,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	150,000	hs/năm	150,000	hs/tháng	10,000
5	MN Trung Văn	hs/ngày	25,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	150,000	hs/năm	150,000	hs/tháng	10,000
6	MN Phương Canh	hs/ngày	25,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	150,000	hs/năm	150,000	hs/tháng	10,000
7	MN Mỹ Đình 1	hs/ngày	25,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	150,000	hs/năm	150,000	hs/tháng	12,000
8	MN Phú Đô	hs/ngày	25,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	150,000	hs/năm	150,000	hs/tháng	12,000
9	MN Tây Mỗ B	hs/ngày	25,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	150,000	hs/năm	150,000	hs/tháng	10,000
10	MN Đại Mỗ A	hs/ngày	25,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	150,000	hs/năm	150,000	hs/tháng	10,000
11	MN Mỹ Đình 2	hs/ngày	25,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	150,000	hs/năm	150,000	hs/tháng	10,000
12	MN Đại Mỗ B	hs/ngày	25,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	150,000	hs/năm	150,000	hs/tháng	10,000
13	MN Cầu Diễn	hs/ngày	25,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	150,000	hs/năm	150,000	hs/tháng	12,000

15/10/2023

PHỤ LỤC 02

TỔNG HỢP CÁC KHOẢN THU KHÁC NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Công văn số: 2989/UBND-GDDT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của UBND quận Nam Từ Liêm

CẤP HỌC: TIỂU HỌC

TT	Tên đơn vị	Tiền ăn		Chăm sóc bán trú		Trang thiết bị phục vụ bán trú		Học 2 buổi/ngày		Nước uống	
		ĐVT	Mức thu (đồng)	ĐVT	Mức thu (đồng)	ĐVT	Mức thu (đồng)	ĐVT	Mức thu (đồng)	ĐVT	Mức thu (đồng)
1	Tiểu học Phú Đô	hs/ngày	30,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	100,000	hs/tháng	12,000
2	Tiểu học Đại Mỗ	hs/ngày	30,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	100,000	hs/tháng	12,000
3	Tiểu học Mễ Trì	hs/ngày	30,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	100,000	hs/tháng	12,000
4	Tiểu học Lý Nam Đế	hs/ngày	30,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	100,000	hs/tháng	12,000
5	Tiểu học Mỹ Đình 2	hs/ngày	30,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	100,000	hs/tháng	12,000
6	Tiểu học Mỹ Đình 1	hs/ngày	30,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	100,000	hs/tháng	12,000
7	Tiểu học Trung Văn	hs/ngày	30,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	100,000	hs/tháng	12,000
8	Tiểu học Tây Mỗ	hs/ngày	30,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	100,000	hs/tháng	12,000
9	Tiểu học Cầu Diễn	hs/ngày	30,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	100,000	hs/tháng	12,000
10	Tiểu học Xuân Phương	hs/ngày	30,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	100,000	hs/tháng	12,000
11	Tiểu học Phương Canh	hs/ngày	30,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	80,000	hs/tháng	100,000	hs/tháng	11,000
12	Tiểu học Nguyễn Quý Đức	hs/ngày	30,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	100,000	hs/tháng	12,000
13	Tiểu học Nguyễn Du	hs/ngày	30,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	100,000	hs/tháng	12,000

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13

PHỤ LỤC 03

TỔNG HỢP CÁC KHOẢN THU KHÁC NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Công văn số: 2989 /UBND-GDDT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của UBND quận Nam Từ Liêm
CẤP HỌC: TRUNG HỌC CƠ SỞ

TT	Tên đơn vị	Tiền ăn		Chăm sóc bán trú		Trang thiết bị phục vụ bán trú		Học 2 buổi/ngày		Nước uống	
		ĐVT	Mức thu (đồng)	ĐVT	Mức thu (đồng)	ĐVT	Mức thu (đồng)	ĐVT	Mức thu (đồng)	ĐVT	Mức thu (đồng)
1	THCS Tây Mỗ	hs/ngày	35,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	150,000	hs/tháng	12,000
2	THCS Nguyễn Du	hs/ngày	33,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	150,000	hs/tháng	12,000
3	THCS Lý Nam Đế	hs/ngày	30,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	120,000	hs/tháng	12,000
4	THCS Mỹ Đình 2	hs/ngày	35,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	150,000	hs/tháng	12,000
5	THCS Xuân Phương	hs/ngày	35,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	150,000	hs/tháng	12,000
6	THCS Đại Mỗ	hs/ngày	33,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	150,000	hs/tháng	12,000
7	THCS Mỹ Trì	hs/ngày	33,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	150,000	hs/tháng	12,000
8	THCS Nguyễn Quý Đức	hs/ngày	33,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	150,000	hs/tháng	12,000
9	THCS Phương Canh	hs/ngày	0	hs/tháng	0	hs/năm	0	hs/tháng	150,000	hs/tháng	12,000
10	THCS Cầu Diễn	hs/ngày	35,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	150,000	hs/tháng	12,000
11	THCS Phú Đô	hs/ngày	35,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	150,000	hs/tháng	12,000
12	THCS Mỹ Đình 1	hs/ngày	35,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	150,000	hs/tháng	12,000
13	THCS Trung Văn	hs/ngày	35,000	hs/tháng	150,000	hs/năm	100,000	hs/tháng	150,000	hs/tháng	12,000

PHỤ LỤC 04

TỔNG HỢP CÁC KHOẢN THU KHÁC NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Công văn số: **2989**/UBND-GDĐT ngày **20** tháng 10 năm 2022
của UBND quận Nam Từ Liêm

STT	Tên đơn vị	Tiếng Anh liên kết	
		ĐVT	Mức thu (đồng)
I. MẦM NON			
1	MN Tây Mỗ A	hs/tháng	200,000
2	MN Mễ Trì	hs/tháng	230,000
3	MN Xuân Phương	hs/tháng	200,000
4	MN Phùng Khoang	hs/tháng	230,000
5	MN Trung Văn	hs/tháng	200,000
6	MN Phương Canh	hs/tháng	200,000
7	MN Mỹ Đình 1	hs/tháng	200,000
8	MN Phú Đô	hs/tháng	200,000
9	MN Tây Mỗ B	hs/tháng	200,000
10	MN Đại Mỗ A	hs/tháng	240,000
11	MN Mỹ Đình 2	hs/tháng	230,000
12	MN Đại Mỗ B	hs/tháng	230,000
13	MN Cầu Diễn	hs/tháng	230,000
II. CẤP TIỂU HỌC		Tiếng Anh liên kết	
		ĐVT	Mức thu (đồng)
1	Tiểu học Phú Đô	hs/tháng	150.000-385.000
2	Tiểu học Đại Mỗ	hs/tháng	150.000-600.000
3	Tiểu học Mễ Trì	hs/tháng	150.000-667.000
4	Tiểu học Lý Nam Đế	hs/tháng	150.000-800.000
5	Tiểu học Mỹ Đình 2	hs/tháng	150.000-385.000
6	Tiểu học Mỹ Đình 1	hs/tháng	150.000-385.000
7	Tiểu học Trung Văn	hs/tháng	150.000-667.000
8	Tiểu học Tây Mỗ	hs/tháng	150.000-667.000
9	Tiểu học Cầu Diễn	hs/tháng	100.000-150.000
10	Tiểu học Phương Canh	hs/tháng	150.000-320.000
11	Tiểu học Xuân Phương	hs/tháng	150.000-667.000
12	Tiểu học Nguyễn Quý Đức	hs/tháng	150.000-667.000
13	Tiểu học Nguyễn Du	hs/tháng	150.000-667.000

PHỤ LỤC 04

TỔNG HỢP CÁC KHOẢN THU KHÁC NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Công văn số: 2989/UBND-GDDT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của UBND quận Nam Từ Liêm

STT	Tên đơn vị	Tiếng Anh liên kết		Tiếng Hàn		Tiếng Nhật	
		ĐVT	Mức thu (đồng)	ĐVT	Mức thu (đồng)	ĐVT	Mức thu (đồng)
III. CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ							
1	THCS Tây Mỗ	hs/tháng	160.000-1.760.000	hs/tháng	-	hs/tháng	-
2	THCS Nguyễn Du	hs/tháng	200.000-1.760.000	hs/tháng	320,000	hs/tháng	320,000
3	THCS Lý Nam Đế	hs/tháng	200.000-250.000	hs/tháng	-	hs/tháng	-
4	THCS Mỹ Đình 2	hs/tháng	180.000-400.000	hs/tháng	-	hs/tháng	-
5	THCS Xuân Phương	hs/tháng	200.000-1.280.000	hs/tháng	-	hs/tháng	-
6	THCS Đại Mỗ	hs/tháng	160.000-180.000	hs/tháng	-	hs/tháng	-
7	THCS Mễ Trì	hs/tháng	360.000-1.280.000	hs/tháng	-	hs/tháng	-
8	THCS Nguyễn Quý Đức	hs/tháng	200.000-1.760.000	hs/tháng	-	hs/tháng	-
9	THCS Phương Canh	hs/tháng	-	hs/tháng	-	hs/tháng	-
10	THCS Cầu Diễn	hs/tháng	200,000	hs/tháng	280,000	hs/tháng	280,000
11	THCS Phú Đô	hs/tháng	160.000-1.760.000	hs/tháng	-	hs/tháng	-
12	THCS Mỹ Đình 1	hs/tháng	200.000-1.760.000	hs/tháng	-	hs/tháng	-
13	THCS Trung Văn	hs/tháng	160.000-1.760.000	hs/tháng	-	hs/tháng	-